TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82 /2023/ DS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay T sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**
2. Ông **TỐNG VĂN TƯ**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay T sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1950.
Địa chỉ: khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1963
Anh **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1991
Cùng địa chỉ: ấp M, xã Hậu B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(ông L có mặt; bà V, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày: Ông và bà V là anh em ruột. Tháng 3/2015 âm lịch ông cho bà V vay 110.000.000đồng để mua bán dưa hấu, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi. Khi vay bà V không viết biên nhận. Năm 2017 bà V trả được 20.000.000đồng, năm 2019 trả 19.000.000đồng, số tiền nợ 71.000.000đồng còn lại ngày 02/7/2020 âm lịch bà V mới viết biên nhận(ghi nhầm số tiền thành 61.000.000đồng). Ngày 27/9/2022 âm lịch sau khi đối chiếu nợ bà V, anh T(con bà V) viết tờ cam kết trong đó thừa nhận thiếu ông 70.000.000đồng, hẹn ngày

14/11/2022 sẽ trả đủ. Tuy nhiên đến nay vẫn không trả cho ông. Ông yêu cầu bà Phạm Thị V, anh Huỳnh Tấn T trả ông 70.000.000đồng và tiền lãi từ tháng 03/2015 âm lịch.

Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bà V, anh T trả cho ông 61.000.000 đồng tiền vốn và 9.000.000đồng tiền lãi. Tổng cộng 70.000.000đồng.

- Bị đơn bà Phạm Thị V, anh Huỳnh Tấn T dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự vay T sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị V và anh Huỳnh Tấn T dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bà V, anh T trả cho ông 61.000.000 đồng tiền vốn và 9.000.000đồng tiền lãi. Tổng cộng 70.000.000đồng. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền vay: Xét thấy, căn cứ vào T liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy biên nhận viết tay(bản chính) thể hiện bà V còn nợ ông T số tiền 61.000.000đồng, hẹn tháng 03/2021 sẽ trả. Từ đó xác định giữa ông L và bà V có phát sinh giao dịch dân sự trên thực tế. Tuy nhiên, từ sau khi ký kết giao dịch vay tiền đến nay bà V không trả tiền cho ông L là vi phạm cam kết của các bên trong giao dịch, gây thiệt hại đến quyền lợi của ông L. Ngày 27/9/2022 con bà V là anh Huỳnh Tấn T có làm tờ cam kết đồng ý cùng bà V trả nợ cho ông L. Tuy nhiên, việc cam kết trên không thể hiện ý kiến đồng ý của bà V cũng như ông L nên không có giá trị. Ông L cũng thừa nhận việc vay mượn này là của bà V, không có anh T tham gia nên không có cơ sở xác định buộc anh T có trách nhiệm trả nợ cùng bà V. Đối với bà V từ khi Tòa án

thụ lý vụ án đến nay dù nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không tham gia hòa giải, xét xử cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là bà tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì bà tự gánh chịu. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà V trả cho ông L số tiền vốn vay là 61.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu trả lãi: Tại phiên tòa, ông L chỉ yêu cầu bà V trả 9.000.000đồng tiền lãi. Xét thấy, số tiền lãi này không vượt quá so với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà V phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, ông L không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận do có đơn xin miễn án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Phạm Văn L

Buộc bà Phạm Thị V phải trả cho ông Phạm Văn L số tiền 61.000.000đồng tiền vốn và 9.000.000đồng tiền lãi. Tổng cộng 70.000.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L yêu cầu anh Huỳnh Tấn T cùng bà Phạm Thị V trả ông 70.000.000đồng.

3.Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà V chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: ông Phạm Văn L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà Phạm Thị V, anh Huỳnh Tấn T thời hạn kháng cáo kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH